

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRỰC NINH  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 61/2023/HNGĐ-ST

Ngày 25 - 5 - 2023

V/v ly hôn giữa chị X và anh Đ

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Thanh

Ông Cao Trung Kiên

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Ngát – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2023/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023, về việc ly hôn, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị X, sinh năm: 1985; Nơi ĐKKHKT: Xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Địa chỉ: TDP M, thị trấn N, huyện T, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Tạ Văn Đ, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị X, anh Đ vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị X trình bày:*

Chị và anh Tạ Văn Đ kết hôn với nhau do tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định vào ngày 29 tháng 08 năm 2006. Sau khi kết hôn thời gian khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do tính tình không hợp nên cuộc sống không được hạnh phúc, anh Đ không quan tâm đến gia đình. Vì vậy chị bỏ về mẹ đẻ ở từ tháng 5 năm 2009 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tạ Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Tạ Anh T, sinh ngày 06/7/2007, hiện con đang ở cùng anh Đ. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con, nếu anh Đ yêu cầu nuôi con thì chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh Đ mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai, bị đơn là anh Tạ Văn Đ trình bày:*

Anh và chị Phạm Thị X đăng ký kết hôn vào tháng 8 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nam Định, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do chị X ngoại tình nên không quan tâm gì đến gia đình, tháng 5 năm 2009 chị X bỏ nhà đi từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay chị X đề nghị xin ly hôn, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung đúng như chị X khai ở trên, sau ly hôn anh yêu cầu nuôi con và nhất trí như sự tự nguyện của chị X nhận cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị X và anh Tạ Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt chị Phạm Thị X và anh Tạ Văn Đ là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị X và anh Tạ Văn Đ kết hôn với nhau vào tháng 08 năm 2006, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được thời gian đầu đã phát sinh mâu thuẫn. Tháng 5/2009 vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị X có lời khai xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tạ Văn Đ. Anh Đ cũng có lời khai xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn.

Xét thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị X và anh Tạ Văn Đ đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị X là phù hợp.

[3] Về con chung: HĐXX xét thấy; Tại phiên tòa chị X, anh Đ vắng mặt nhưng có lời khai và quan điểm về con chung. Anh Đ yêu cầu nuôi con và nhất trí sự tự nguyện của chị X nhận cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Do vậy, để ổn định cuộc sống hiện tại cũng như việc học tập, chăm sóc giáo dục con chung nên giao anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng con chung Tạ Anh T. Chấp nhận sự

tự nguyện của chị X nhận cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh Đ mỗi tháng 2.000.000 đồng.

[4] Về tài sản, công nợ: Chị X, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị X phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị X và anh Tạ Văn Đ.

2. Con chung: Giao anh Tạ Văn Đ có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Tạ Anh T, sinh ngày 06/7/2007 (hiện con chung đang ở cùng anh Đ), chấp nhận sự tự nguyện của chị X nhận cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh Đ mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 5/2023 đến khi con chung lao động, tự lập được.

Chị Phạm Thị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí DSST: Chị Phạm Thị X phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được đối trừ tiền dự thu án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0002258 ngày 30 tháng 03 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trực Ninh. Chị Phạm Thị X đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị X phải nộp 300.000 đồng

4. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị X và anh Tạ Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;

- UBND TT N, huyện Trưc Ninh;
- UBND xã T, huyện Trưc Ninh;
- Lưu HS, VP.

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Nguyễn Thị Kim Thu**